

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA NỮ SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Cao Ngọc Thành⁽¹⁾

Tóm tắt:

Qua các phương pháp nghiên cứu cơ bản, chúng tôi đã đánh giá thực trạng công tác GDTC cho nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức trên nhiều mặt. Kết quả cho thấy, công tác GDTC đã được Đảng ủy – Ban giám hiệu nhà trường quan tâm, nhưng chất lượng công tác GDTC vẫn chưa cao, phong trào TDTT ngoại khóa chưa phát triển.

Từ khóa: Thực trạng, giáo dục thể chất, nữ sinh viên, Đại học Hồng Đức.

Current status of Physical Education for non-major female students at Hong Duc University

Summary: Through basic research methods, we have evaluated the current status of physical education for non-major female students at Hong Duc University in many aspects. The results show that physical education has been paid attention to by the Party Committee - School Board, but the quality of physical education is still not high, and the extracurricular sports movement has not developed.

Keywords: current situation, physical education, female students, Hong Duc University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác GDTC trong Nhà trường có ý nghĩa quan trọng đối với việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ, yêu cầu về thể lực ngày càng cao để sẵn sàng đảm nhiệm và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao trong tình hình hiện nay. Nhận thức được điều đó Đảng ủy và Ban giám hiệu Trường Đại học Hồng Đức đã luôn chú trọng tới công tác GDTC. Nhà trường đã luôn cải tiến chương trình giảng dạy môn GDTC, tăng cường chất lượng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy môn GDTC... Để đánh giá chính xác hiệu quả công tác GDTC của Trường, đặc biệt với đối tượng nữ sinh viên không chuyên thể dục (KCTD), chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu: “Thực trạng công tác GDTC của nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức”.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn tọa đàm; Quan sát sự phạm; Kiểm tra sự phạm và Toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức

Qua tham khảo tài liệu, trao đổi trực tiếp và kết quả phỏng vấn 30 chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên GDTC Trường Đại học Hồng Đức, chúng tôi đã xác định được 6 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC, gồm: Sự quan tâm của lãnh đạo và chất lượng quản trị công tác GDTC; Đội ngũ giảng viên GDTC; Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC; Nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy môn GDTC; Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của TDTT và mức độ hứng thú tập luyện môn GDTC và Trình độ thể lực của sinh viên

2. Thực trạng công tác GDTC ở trường Đại học Hồng Đức

2.1. Sự quan tâm của Đảng ủy - Ban giám hiệu Trường Đại học Hồng Đức và chất lượng quản trị công tác GDTC

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn các cán bộ quản lý, giảng viên khoa GDTC về sự quan tâm của lãnh đạo trường và chất lượng quản trị công tác GDTC. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

⁽¹⁾ThS, Khoa GDTC Trường Đại học Hồng Đức; Email: caongocthanh@hdu.edu.vn

Bảng 1. Mức độ quan tâm của các cấp lãnh đạo và chất lượng quản trị công tác GDTC (n= 30)

Nội dung	Tham số	Mức độ đánh giá			
		Không quan tâm	Bình thường	Quan tâm	Rất quan tâm
Mức độ quan tâm của các cấp lãnh đạo	m_i	2	8	16	4
	%	6.67	26.67	53.33	13.33
Chất lượng quản trị công tác GDTC	Tham số	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
	m_i	4	8	15	3
	%	13.33	26.67	50	10

Qua bảng 1 cho thấy, tỷ lệ cán bộ quản lý, giảng viên Nhà trường cho rằng lãnh đạo quan tâm và rất quan tâm đến công tác GDTC đạt 66.66%, vẫn còn 6.67% cho rằng, công tác GDTC chưa thực sự có vai trò quan trọng đối với Trường. Đối với chất lượng quản trị công tác GDTC, có đến 60% ý kiến cho rằng, hiện nay chất lượng quản trị công tác GDTC của Nhà trường đã tốt và rất tốt, tuy nhiên, vẫn còn 40% ý kiến cho rằng, công tác này chưa tốt và chỉ đạt mức bình thường. Khi trao đổi với các cán bộ

quản lý, chúng tôi được biết, mặc dù công tác GDTC đã được phê duyệt kế hoạch cụ thể, chi tiết tuy nhiên việc tổ chức triển khai thực hiện vẫn còn nhiều bất cập, do đó chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Đây là vấn đề cần được quan tâm và khắc phục.

2.2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác GDTC ở Trường Đại học Hồng Đức

Chúng tôi tiến hành khảo sát về số lượng đội ngũ giảng viên GDTC thông qua hồ sơ tại phòng Tổ chức, kết quả thu được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát thực trạng về đội ngũ cán bộ giảng viên Khoa GDTC Trường Đại học Hồng Đức

Số lượng	Tỉ lệ GV/SV	Độ tuổi			Giới tính		Trình độ	
		Trên 50	Từ 40-50	Dưới 40	Nam	Nữ	Tiến sĩ	Thạc sĩ
15	1/600	1	11	3	13	2	5	10

Qua bảng 2 cho thấy: Hiện tại cán bộ giảng viên của Khoa có 15 giảng viên/ 9000 sinh viên thì việc đảm bảo giờ giấc giảng dạy của giảng viên là một vấn đề khó khăn, nặng nề đối với 15 giảng viên cho nên khó có thể đảm bảo được chất lượng mỗi giờ dạy, càng đặc biệt khó khăn khi tham gia các hoạt động ngoại khóa TĐTT cho sinh viên toàn trường.

Hầu hết cán bộ giảng viên Khoa GDTC Trường Đại học Hồng Đức còn nằm ở độ tuổi rất trẻ, có trình độ đào tạo cao đều từ thạc sĩ trở lên, do vậy có thể đảm đương được mọi công việc mà Nhà trường giao cho. Tuy nhiên với số lượng sinh viên nhiều (hơn 9000 sinh viên) thì cần phải tăng cường thêm giảng viên để san sẻ gánh nặng về giờ của giảng viên.

2.3. Cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện TĐTT ở Trường Đại học Hồng Đức

Kết quả tại bảng 3 cho thấy: Cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ của Trường phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập (nội khóa cũng như ngoại khóa) của sinh viên là tương đối đầy đủ. Có thể khẳng định, đây là một trong những điểm mạnh, thuận lợi lớn cho dạy và học môn GDTC và phong trào TĐTT trong Nhà trường.

2.4. Thực trạng nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy môn GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức

Môn học GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức được đưa vào giảng dạy trong 3 học kỳ, từ năm thứ nhất đến năm thứ hai. Thực trạng phân phối nội dung chương trình được trình bày cụ thể tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Môn học GDTC của Trường Đại học Hồng Đức gồm 3 tín chỉ với 45 tiết học. Chương trình được xây dựng theo đúng

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng sân bãi dụng cụ phục vụ giảng dạy và học tập môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hồng Đức

TT	Sân bãi, dụng cụ	Khu giảng dạy	Chất lượng	Đánh giá
1	Sân bóng đá	1	Trung bình	Đạt
2	Sân bóng chuyền	4	Trung bình	Đạt
3	Sân bóng rổ	1	Trung bình	Đạt
4	Sân cầu lông	4	Trung bình	Đạt
5	Sân tennis	2	Trung bình	Đạt
6	Sân điền kinh	1	Trung bình	Đạt
7	Sân đẩy tạ	1	Trung bình	Đạt
8	Đệm nhảy cao	1	Trung bình	Đạt
9	Hố nhảy xa	2	Trung bình	Đạt
10	Xà đơn	2	Trung bình	Đạt
11	Xà kép	2	Trung bình	Đạt
12	Bể bơi	1	Trung bình	Đạt
13	Nhà thi đấu đa năng	1	Trung bình	Đạt

Bảng 4. Thực trạng phân phối nội dung chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức

TT	Học phần	Nội dung	Tín chỉ	Phân phối				
				Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Kiểm tra
1	GDTC 1	Thể dục	1	15	0	14	0	1
2	GDTC 2	Điền kinh	1	15	0	14	0	1
3	GDTC 3	Tự chọn (Cầu lông, Bóng chuyền, võ)	1	15	0	14	0	1
Tổng			3	45				

quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mỗi tín chỉ gồm 15 tiết học. Chương trình học đa dạng với các môn thể thao có tính phổ thông, trong 3 tín chỉ có 2 tín chỉ bắt buộc và 1 tín chỉ tự chọn, thuận lợi cho sinh viên có thể chọn lựa được môn thể thao yêu thích và giúp sinh viên dễ dàng hơn trong việc học và phát triển năng lực. Tuy nhiên, với thời lượng học chỉ có 15 tiết/ 1 tín chỉ nên việc xây dựng nội dung học của từng tín chỉ rất khó. Các giảng viên đã phải lồng ghép nội dung lý thuyết vào ngay trong các giờ học thực hành, các nội dung đưa vào giảng dạy chỉ dừng ở các kỹ thuật cơ bản và giới thiệu một số

điều luật cơ bản của môn thể thao đó, không đủ thời lượng để hình thành kỹ năng và phát triển năng lực.

Phương pháp dạy học môn GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức được trình bày tại bảng 5 thông qua khảo sát bằng phỏng vấn các cán bộ, giảng viên của Khoa GDTC.

Qua bảng 5 cho thấy: Giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, tuy nhiên mức độ sử dụng của các phương pháp rất khác nhau. Các phương pháp thông dụng như phương pháp giảng giải bằng lời nói hay phương pháp mô phỏng, phương pháp thi đấu, phương pháp trò



Sử dụng đa dạng các phương pháp trong dạy học môn GDTC là biện pháp quan trọng giúp nâng cao hứng thú học tập của sinh viên

Bảng 5. Thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học trong giảng dạy môn GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức (n=15)

TT	Các phương pháp	Kết quả		Mức độ sử dụng							
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Bình thường		Ít sử dụng		Không sử dụng	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Phương pháp giảng giải bằng lời nói	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phương pháp trực quan	0	33.33	0	0	0	0	4	26.67	11	73.33
3	Phương pháp mô phỏng	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phương pháp lặp lại	0	0	0	0	6	40	9	60	0	0
5	Phương pháp vòng tròn	0	0	0	0	15	100	0	0	0	0
6	Phương pháp tư duy	0	0	0	0	0	0	13	86.67	2	13.33
7	Phương pháp trò chơi	0	0	10	66.67	5	33.33	0	0	0	0
8	Phương pháp thi đấu	0	0	12	80	3	20	0	0	0	0

chơi được sử dụng thường xuyên với tỷ lệ đạt từ 100%. Các phương pháp ít được sử dụng nhất là phương pháp tư duy, phương pháp lặp lại và phương pháp trực quan, chỉ đạt tỷ lệ dưới 33.33% ở mức thường xuyên và dưới 66.6% ở mức không thường xuyên. Đây cũng là điều dễ hiểu bởi lẽ, với số lượng chỉ có 15 tiết học/1 tín

chỉ, số lượng sinh viên trên một lớp học cũng đạt từ 200 – 300 sinh viên nên toàn bộ thời gian lên lớp, hầu như giảng viên chỉ tập trung vào việc truyền thụ các kiến thức cho sinh viên, ít có thời gian để sử dụng và tổ chức các phương pháp giảng dạy tốn nhiều thời gian như: Vòng tròn hay lặp lại. Điều này cho thấy, sự hạn chế về số lượng

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn nhận thức của sinh viên về công tác GDTC trong Nhà trường

Nội dung phỏng vấn	Năm thứ nhất (n = 320)		Năm thứ hai (n = 287)		Tổng (n = 607)	
	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1. Động cơ tập luyện TDTT						
- Ham thích	212	66.25	197	68.64	409	67.38
- Nhận thấy tác dụng RLTT	115	35.93	182	63.41	297	48.92
- Bắt buộc	0	0	4	1.39	4	0.65
- Không lý do	124	38.75	132	45.99	256	42.17
2. Số sinh viên tập luyện TDTT ngoại khoá						
- Thường xuyên	110	34.37	100	36.58	210	34.59
- Thỉnh thoảng	105	32.81	75	39.02	180	29.65
- Không tập	95	29.68	112	24.39	207	34.1
3. Yếu tố ảnh hưởng hạn chế đến việc tích cực tập luyện TDTT của sinh viên						
- Do điều kiện sân bãi	256	80	234	81.53	490	80.72
- Ý thức chưa cao	209	65.31	212	73.86	421	69.35
- Thiếu dụng cụ TL	97	30.31	102	35.54	199	32.78
- Không đủ trang bị	86	26.87	112	39.02	198	32.61
4. Yếu tố ảnh hưởng hoạt động TDTT ngoại khoá						
- Không có giáo viên hướng dẫn	205	64.06	216	75.26	421	69.35
- Không có thời gian	103	32.18	120	41.81	223	36.73
- Không có đủ sân bãi, dụng cụ	85	26.56	32	11.14	117	19.27
- Không được bạn bè ủng hộ	93	29.06	98	34.14	191	31.46
- Không thích thể thao	5	1.56	8	2.78	13	2.14
5. Nhu cầu tham gia tập luyện CLB						
- Thích	304	95	270	94.07	574	94.56
- Không cần thiết	16	5	17	5.92	33	5.43

tiết học đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và cũng là một hạn chế lớn ảnh hưởng đến chất lượng công tác giảng dạy môn GDTC tại Trường.

2.5. Nhận thức của sinh viên về công tác GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức

Để tìm hiểu mức độ nhận thức của sinh viên không chuyên, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 607 sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai, kết quả được trình bày tại bảng 6.

Qua bảng 6 cho thấy ham thích là động cơ

chính. Có 67,38% sinh viên (tổng số 409/607) được phỏng vấn cho rằng họ tập luyện vì sự yêu thích. Nhận thấy tác dụng rèn luyện thể lực cũng là một động cơ quan trọng, đặc biệt ở năm thứ hai, khi có 63,41% sinh viên (tổng số 182/287) cho biết đây là lý do của họ, so với chỉ 35,93% ở năm nhất.

Về yếu tố hạn chế việc tích cực tập luyện TDTT: Điều kiện sân bãi là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất, với 80,72% sinh viên gặp phải khó khăn này; Ý thức chưa cao cũng là một vấn đề, chiếm

Bảng 7. Xếp loại trình độ thể lực của nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức

Xếp loại	Tổng số (n=607)		Năm thứ nhất (n=320)		Năm thứ hai (n=287)	
	m _i	%	m _i	%	m _i	%
Tốt	91	14.99	56	17.5	35	12.2
Đạt	443	72.98	228	71.25	215	74.91
Chưa đạt	73	12.03	36	11.25	37	12.89
So sánh	χ^2		8.16			
	P		>0.05			

69,35% (421/607) sinh viên; Thiếu dụng cụ và trang bị (Tỷ lệ sinh viên gặp khó khăn do thiếu dụng cụ là 32,78%, còn do thiếu trang bị là 32,61%).

Yếu tố ảnh hưởng TDDT NK: Không có giáo viên hướng dẫn là yếu tố ảnh hưởng chính với 69,35% sinh viên gặp khó khăn này, 36,73% sinh viên cho biết họ không có đủ thời gian để tập luyện ngoại khóa.

Nhu cầu tham gia CLB rất cao, chiếm tới 94,56% đã cho thấy sinh viên có sự quan tâm cao đối với việc tham gia hoạt động TDDT ngoại khóa, nhưng gặp khó khăn về cơ sở vật chất, ý thức và thời gian. Nhu cầu tham gia vào các CLB TDDT là rất cao, với các biện pháp cải thiện điều kiện sân bãi, cung cấp giáo viên hướng dẫn có thể giúp tăng cường sự tham gia và chất lượng tập luyện TDDT của sinh viên.

2.6. Thực trạng thể lực của nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức

Để đánh giá thực trạng thể lực của đối tượng nghiên cứu, chúng tôi sử dụng bộ tiêu chuẩn xếp loại thể lực cho học sinh, sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả được trình bày tại bảng 7.

Kết quả bảng 7 cho thấy: Mặc dù phần đa số lượng nữ sinh viên đạt ở mức thể lực tốt và đạt nhưng tỉ lệ nữ sinh viên không đạt vẫn nhiều, chiếm tỷ lệ 11.25% và 12.89%. Điều này đòi hỏi Trường Đại học Hồng Đức cần phải có biện pháp thiết thực để khắc phục và hoàn thành mục tiêu đào tạo của Nhà trường đã đề ra.

KẾT LUẬN

Công tác GDTC đã được Đảng ủy – Ban giám hiệu Trường Đại học Hồng Đức quan tâm, nhưng chất lượng công tác GDTC vẫn chưa cao, phong trào TDDT ngoại khóa chưa phát triển, còn nhiều sinh viên chưa nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của tập luyện TDDT đối với việc nâng cao sức khỏe để phục vụ cho học tập; Đội ngũ giảng viên Bộ môn GDTC chưa đáp ứng đủ số lượng cho nhu cầu giảng dạy; Nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy môn GDTC còn hạn chế; Thực trạng thể lực của nữ sinh viên còn hạn chế. Nhiều sinh viên sức khỏe không tốt ảnh hưởng tới kết quả học tập môn GDTC, và chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng GDTC trong nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*
2. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2017), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDDT, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Văn (2009), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TDDT, Hà Nội.
4. Trường Đại học Hồng Đức (2017), *Chương trình Giáo dục thể chất hệ không chuyên.*

(Bài nộp ngày 4/10/2024, Phản biện ngày 5/11/2024, duyệt in ngày 28/11/2024)